

Bản án số: 459/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 10 – 2019

“V/v ly hôn giữa
chị H và anh P”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim P

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Trí Thiện

2. Bà Nguyễn Thúy Phượng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa:

Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị H – Sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu: Thôn Thắng Lộc, xã B Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Đăng ký tạm trú: Tổ 9E, Ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Lâm Võ P – Sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 9, ấp Phú Hữu, thị trấn Chợ Vàm, huyện PT, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị T (tự Tuyền) – Sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 30, tổ 02, ấp Phú Hữu, thị trấn Chợ Vàm, huyện PT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-8-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phùng Thị H trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Sau khi tìm hiểu tình cảm được một năm, năm 2014 chị và anh Lâm Võ P tự nguyện kết hôn, năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Vàm, huyện PT, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2015 ngày 03-02-2015. Năm 2016 vợ chồng đi làm công nhân tại tỉnh Đồng Nai, tháng 7/2018 P sinh mâu thuẫn do anh P không lo làm ăn, đòi đi làm ở xa huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, cách nơi ở khoảng 40 km, vài tháng anh P về một lần, mỗi lần về anh P gây cãi với chị rồi đi, cứ như vậy tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, nên gặp nhau là cự cãi, từ tháng 10-2018 đến nay vợ chồng ly thân, thời gian ly thân thỉnh thoảng có gặp nhau nhưng không hàn gắn trở lại sống chung. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P. Ngày 22-8-2019 chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Lâm Võ P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Gia P, sinh ngày 28-5-2015, từ năm 2016 đến nay vợ chồng chị H, anh P gửi cháu P cho bà T (là mẹ dâu của anh P) giữ dùm, hằng năm chị H đều về thăm con và gửi tiền (30 triệu đồng) cho bà T nuôi con. Chị H yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng, vì chị có điều kiện nuôi con, hiện nay chị làm công nhân tại tỉnh Đồng Nai, thu nhập mức lương 12.000.000đ/tháng (kèm bản sao kê tiền lương của Công ty TNHH MATSUYA R&D (VIỆT NAM) tại tỉnh Đồng Nai), cháu P đang gửi bà T giữ dùm, chị tiếp tục gửi mà không yêu cầu bà T giao con lại.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 12-9-2019 bà Trương Thị T (tự Tuyên) trình bày, bà là mẹ dâu của anh P (chồng bà là em ruột của mẹ P), vợ chồng H, P có một con chung tên Lâm Gia P, sinh ngày 28-5-2015, vợ chồng H, P khó khăn về tài chính, lúc này cháu P tám tháng tuổi gửi bà giữ dùm để vợ chồng đi làm, thỉnh thoảng P có về thăm con. Cách đây một năm bà có gặp vợ chồng H, P biết được vợ chồng đã ly thân do P thích ăn chơi, không lo làm ăn, bà có hàn gắn cho vợ chồng nhưng P không thay đổi, nên H không sống chung được mới ly hôn. Hiện nay bà đang nuôi cháu P, Tòa án giao cháu P cho bên nào nuôi thì bà sẽ giao cháu P cho bên đó, nếu H, P vẫn gửi cháu P thì bà tiếp tục giữ dùm. Bà T không có yêu cầu gì. Ngày 12-9-2019 bà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

Theo chị H trình bày mâu thuẫn vợ chồng có mẹ ruột tên Lê Thị B biết, tại Bản tường trình của bà Lê Thị B, có xác nhận ngày 23-8-2019 của Công an xã B Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, bà B cho biết bà là mẹ ruột của chị H, sau khi kết hôn được bốn năm vợ chồng H xảy ra mâu thuẫn do P không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, bà đồng ý với quyết định ly hôn của chị H. Đối với cha mẹ anh P sống tại tỉnh B Dương, chị H không biết rõ địa chỉ, nên Tòa án không xác minh được.

Đại diện Viện kiểm sát P biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng anh Lâm Võ P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh P chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự chưa nghiêm. Về nội dung, vợ chồng chị Phùng Thị H, anh Lâm Võ P mâu thuẫn và ly thân từ tháng 10-2018 đến nay, vợ chồng không hàn gắn, chị Hoàn xin ly hôn là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; về con chung tên Lâm Gia P chị H có điều kiện nuôi con, nên yêu cầu nuôi con của chị H yêu cầu là có căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Từ những cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phùng Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lâm Võ P, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H và bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh P và bà T.

[2] Về nội dung:

[3] Hôn nhân của chị H và anh P là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn do anh P không lo làm ăn, có thời gian ly thân từ tháng 10/ 2018 đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn, bà T là mẹ dâu của anh P có hàn gắn cho vợ chồng nhưng không thành. Qua đó, cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị H và anh P.

[4] Về nuôi con chung: Chị H yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Lâm Gia P và không yêu cầu anh P cấp dưỡng, cháu P đang gửi cho bà T giữ dùm và chị tiếp tục gửi mà không yêu cầu bà T giao con lại. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng chị H gửi

cháu P cho bà T giữ dùm, cháu P có cuộc sống ổn định, chị H làm công nhân có thu nhập từ lương 12.000.000đ/tháng, chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng và không yêu cầu bà T giao con lại là tự nguyện của chị. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được trực tiếp nuôi cháu P, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con, không buộc bà T giao lại cháu P cho chị H.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về chia tài sản: Không có, Tòa án không đề cập.

[7] Về nợ chung: Ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phùng Thị H và anh Lâm Võ P. Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2015 ngày 03-02-2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Vàm, huyện PT, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Lâm Gia P, sinh ngày 28-5-2015 cho chị Phùng Thị H nuôi dưỡng, hiện nay bà Trương Thị T (tự Tuyền) đang giữ cháu P. Anh Lâm Võ P không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Lâm Võ P không trực tiếp nuôi con, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phùng Thị H phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006087 ngày 22-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện PT;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- UBND xã B Thạnh Đông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim P

